TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Hoàng Thị Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐHPT - HNGĐ ngày 19/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T , sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 26/4/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/6/2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu yêu thương, bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/7/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông T ngoại tình với người phụ nữ khác, bằng chứng là các tin nhắn mà ông T nhắn tin qua số điện thoại cho một người phụ nữ tên T với lời lẽ yêu thương, thân mật mà bà đã sao chụp và giao nộp cho Tòa án. Khi phát hiện ông T ngoại tình, bà đã tìm gặp và nói

chuyện với người phụ nữ đó, nhưng ông T thách thức bà. Vì vậy, vợ chồng thường hay cãi vả, không quan tâm đến ai, trước đây bà đã nộp đơn xin ly hôn được Tòa án hòa giải, vì thương con nên bà rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng sau một thời gian ông T vẫn không thay đổi mà vẫn tiếp tục ngoại tình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 18/11/2002 và cháu Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 08/11/2004. Hiện nay hai cháu đều đang sống với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nhận nuôi cả 02 (hai) con vì bà có thu nhập ổn định từ việc bán quần áo tại chợ T, thành phố Q, mỗi tháng thu nhập khoảng 20.000.000 đồng; bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu một tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 08/6/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/6/2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị L về đăng ký kết hôn, con chung, nợ, vợ chồng ông có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng do bà L ghen tuông, nghi ngờ ông ngoại tình mặc dù ông đã nhiều lần giải thích nhưng bà L vẫn không chấp nhận. Bà L yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn yêu thương vợ con, muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình, vì không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Trường hợp Tòa án xét xử cho vợ chồng ông bà ly hôn thì ông đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà L nhận nuôi dưỡng, do ông làm nghề điện dân dụng, thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng nên ông đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi cháu một tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/7/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Bà L và ông T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do bà L nghi ngờ ông T ngoại tình, trước đây bà L đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa, Tòa đã hòa giải bà L rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng sau khi rút đơn đoàn tụ, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, với nguyên nhân ông T thường hay nhắn tin cho người phụ nữ khác với những lời lẽ yêu thương, thân mật. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm mức trầm trọng, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 08/11/2004. Xét yêu cầu bà L được nhận nuôi con, cả hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, và ông T đồng ý nếu vợ chồng ly hôn thì giao 02 (hai) cháu cho bà L nuôi dưỡng và đồng ý theo mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/cháu theo như yêu cầu của bà L, nên Hội đồng xét xử giao cả 02 (hai) cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung bà L, ông T không yêu cầu Tòa giải quyết; về nợ cả hai thống nhất không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điểm a Khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hữu T;

2. Giao cháu Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 18/11/2002 và cháu Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 08/11/2004 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Vũ Q mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh Q mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng cho đến khi hai cháu thành niên. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2018.

Ông Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu T đều khai không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003182 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo và thi hành án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng